

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý và sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 27/TTr-SYT ngày 13/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang năm 2023 với các nội dung sau:

1. Đơn vị mua sắm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

2. Danh mục vật tư y tế mua sắm: Chi tiết theo Biểu đính kèm.

Giá dự toán trong Biểu đính kèm là tối đa. Trước khi tiến hành mua sắm, Đơn vị mua sắm có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định giá của cơ quan có thẩm

quyền đối với vật tư y tế mua sắm theo quy định; trong quá trình tổ chức mua sắm, nếu có biến động giảm giá, phải chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

3. Phương thức mua sắm: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Nguồn kinh phí: Quỹ bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức mua sắm vật tư y tế đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, KBNN tỉnh; Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hài.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẴM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục vật tư y tế mua sắm	Phân nhóm	ĐVT	Số lượng	Giá dự toán có VAT (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ)
I. Khí y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh						
1	Khí oxy y tế chai 10 lít	Không phân nhóm	Lít	1.350.000	46,2	62.370.000
2	Khí oxy y tế chai 40 lít	Không phân nhóm	Lít	3.780.000	23,1	87.318.000
3	Khí oxy y tế chất lượng $\geq 99,5\%$ dạng hóa lỏng	Không phân nhóm	Kg	375.000	4.851	1.819.125.000
4	Khí CO ₂ y tế chất lượng $\geq 99\%$	Không phân nhóm	Kg	1.700	6.699	11.388.300
II. Các loại phim X Quang phục vụ công tác khám, chữa bệnh						
1. Phim X- quang sử dụng cho máy in phim, Model DRYPIX 4000						
5	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 35cm x 43cm	1	Tờ	67.000	38.500	2.579.500.000
6	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 25cm x 30cm	1	Tờ	105.000	23.000	2.415.000.000
2. Phim X- quang sử dụng cho máy in phim, Model DRYPIX 2000						
7	Phim khô nhiệt Kích cỡ 20cmx25cm	1	Tờ	3.000	16.500	49.500.000
III. Các Vật tư y tế sử dụng cho chuyên khoa nội thận tiết niệu lọc máu						
8	Quả lọc máu nhân tạo QB ≥ 300 ml/phút. Hệ số siêu lọc ml/h/mmHg: ≥ 14	1	Quả	10.000	315.000	3.150.000.000
9	Quả lọc dịch thẩm tách màng Polysulfone hoặc tương đương. Diện tích màng tối thiểu 1.2 m ²	3	Quả	200	2.700.000	540.000.000
10	Phin lọc khí	6	Chiếc	20.000	11.550	231.000.000
11	Kim chạy thận nhân tạo số 16G, 17G	2	Chiếc	140.000	10.500	1.470.000.000
12	Dây lọc máu Chất liệu nhựa: PVC hoặc tốt hơn, có 2 màu dây đỏ và dây xanh	6	Bộ	20.000	78.750	1.575.000.000
13	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 'Catheter 2 nòng, cỡ 12F hoặc 14F	3	Bộ	600	924.000	554.400.000
14	Quả lọc máu Hệ số siêu lọc ≥ 13 sử dụng phương thức điều trị HD	1	Quả	2.650	360.000	954.000.000
15	Quả lọc máu Hệ số siêu lọc ≥ 12 sử dụng phương thức điều trị HD	1	Quả	2.000	348.000	696.000.000
16	Quả lọc máu Hệ số siêu lọc ≥ 55 sử dụng phương thức điều trị HDF/HF	1	Quả	1.000	520.000	520.000.000
17	Dây lọc máu gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây safeline	2	Bộ	1.000	252.000	252.000.000
18	Quả lọc dịch Điều trị ONLINE HF/HDF, ONLINE: ≥ 12 tuần hoặc ≥ 100 ca điều trị.	1	Quả	20	2.460.000	49.200.000
IV. Các vật tư y tế sử dụng trong chuyên khoa can thiệp mạch						
19	Bóng nong động mạch vành loại giãn nở, đầu chóp thon nhọn	2	Chiếc	410	8.000.000	3.280.000.000
20	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, phủ bóng lớp ái nước	2	Chiếc	200	8.000.000	1.600.000.000
21	Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc	1	Chiếc	80	43.500.000	3.480.000.000
22	Stent động mạch vành phủ thuốc	3	Chiếc	40	39.000.000	1.560.000.000
V. Các Bộ khớp háng sử dụng cho chuyên khoa chấn thương chỉnh hình						
23	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài, không xi măng, góc cổ chuỗi khoảng 130 đến 135 độ, cỡ côn 12/14	2	Bộ	20	58.500.000	1.170.000.000
24	Khớp háng bán phần không xi măng 2 trục linh động, góc cổ thân khoảng từ 125 đến 130 độ, chuỗi chống xoay dạng nén xương	1	Bộ	20	42.000.000	840.000.000

STT	Danh mục vật tư y tế mua sắm	Phân nhóm	ĐVT	Số lượng	Giá dự toán có VAT (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ)
25	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ chuôi trong khoảng 128 đến 130 độ, cổ côn 12/14	2	Bộ	40	39.790.000	1.591.600.000
26	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân trong khoảng từ 130 đến 135 độ, chuôi chống xoay, nén xương	1	Bộ	25	62.000.000	1.550.000.000
27	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi khoảng 127 đến 130 độ, có vitamin E	2	Bộ	50	55.000.000	2.750.000.000
28	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi khoảng 127 đến 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E	2	Bộ	20	63.800.000	1.276.000.000
29	Khớp háng toàn phần 2 trục linh động, góc cổ chuôi trong khoảng 125 đến 128 độ, chuôi chống xoay, có vitamin E	1	Bộ	10	79.000.000	790.000.000
VI. Các vật tư y tế sử dụng cho hệ thống lọc máu liên tục, Model: Prismaflex						
30	Bộ quả thay thế huyết tương, chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng	1	Bộ	20	11.900.000	238.000.000
31	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn. Màng lọc cấu tạo ≥ 3 lớp	1	Bộ	100	17.100.000	1.710.000.000
VII. Các vật tư y tế khác phục vụ công tác khám, chữa bệnh						
32	Bơm cho ăn 50ml	5	Chiếc	50.000	4.200	210.000.000
33	Dây cho ăn các cỡ	4	Chiếc	30.000	8.200	246.000.000
34	Đầu đo huyết áp động mạch xâm lấn	4	Chiếc	500	350.000	175.000.000
35	Găng tay khám bệnh có bột	6	Đôi	1.500.000	1.200	1.800.000.000
36	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng, có bột	6	Đôi	300.000	5.400	1.620.000.000
37	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	6	Chiếc	10.000	33.750	337.500.000
38	Ống nghiệm có chất chống đông EDTA, Thê tích 1,8 ml; 2 ml	1	Chiếc	300.000	1.200	360.000.000
39	Ống nghiệm serum có hạt nhựa thay thế chất chống đông kích thước 1cm x 7,5cm	1	Chiếc	50.000	700	35.000.000
VIII. Các vật tư bông, gạc phục vụ công tác khám, chữa bệnh						
40	Bông ép phẫu thuật sọ não Kích thước 4cmx5cm, đã tiệt trùng	5	Miếng	10.000	800	8.000.000
41	Bông gạc đắp vết thương Kích thước 8x15cm, đã tiệt trùng	5	Miếng	250.000	1.300	325.000.000
42	Gạc phẫu thuật ổ bụng tối thiểu 30x40cmx6 lớp, đã tiệt trùng	5	Miếng	60.000	5.300	318.000.000
43	Gạc câu Đường kính tối thiểu 30mm, 1 lớp đã tiệt trùng	5	Miếng	200.000	300	60.000.000
44	Gạc Kích thước 23x25cm, đã tiệt trùng	5	Miếng	600.000	550	330.000.000
45	Gạc Kích thước 10x10cmx8 lớp, đã tiệt trùng	5	Miếng	1.000.000	599	599.000.000
46	Gạc Kích thước 7,5x7,5cmx6 lớp, đã tiệt trùng	5	Miếng	60.000	421	25.260.000
47	Sáp cầm máu khoảng 2.0g/miếng	2	Miếng	600	40.000	24.000.000
48	Xốp cầm máu Kích thước tối thiểu 5x8cm đã tiệt trùng	6	Miếng	300	572.000	171.600.000
49	Mũi phẫu thuật đã tiệt trùng	5	Chiếc	50.000	993	49.650.000
50	Túi bọc camera đã tiệt trùng	5	Chiếc	10.000	7.500	75.000.000
Tổng dự toán của 50 danh mục						45.620.411.300

Ghi chú: Giá dự toán là giá tạm tính; Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của giá dự toán trong hồ sơ trình.